


Ngôn Sứ Như Là Điềm Báo - Phân Tích Ê-Dê-Ki-En 24:15-24

Prophecy as a Sign - Analysis of Ezekiel 24:15-24

Phêrô Phạm Trọng, O. CARM.

¹ Học Viện Thánh Giuse Dòng Tên, Việt Nam

* Email của tác giả liên hệ: petertrongocarm@gmail.com

 <https://doi.org/10.54855/csl.23323>

® Copyright (c) 2023 Phêrô Phạm Trọng

Tóm lược

Trung thành sống căn tính ngôn sứ của mình là lời mời gọi không ngừng đối với mỗi Kitô hữu. Tuy nhiên, để sống đúng căn tính ngôn sứ không phải lúc nào cũng dễ dàng, đặc biệt là khi phải đối diện với những nghịch cảnh của cuộc sống. Bài phân tích điềm báo của ngôn sứ Ê-dê-ki-en trong Êd 24: 15-24 là một nỗ lực của tác giả nhằm phác họa hình ảnh về vị ngôn sứ luôn trung thành với sứ mạng của mình dẫu phải đối diện với muôn vàn nghịch cảnh, hầu có thể mưu ích cho cộng đồng mình được sai đến. Trong bài viết này, tác giả lần lượt trình bày bối cảnh lịch sử, xã hội, thời điểm, nơi chốn mà ngôn sứ Ê-dê-ki-en thực thi sứ mạng của mình. Kế đến là những phân tích bản văn và đưa ra ý nghĩa của hành động ngôn sứ mà Ê-dê-ki-en thực hiện cho dân. Từ đó, tác giả rút ra những bài học giúp người Kitô hữu ngày nay có thể noi gương Ê-dê-ki-en sống trung thành với căn tính ngôn sứ của mình.

Từ khóa: Ê-dê-ki-en, điềm báo, hành động ngôn sứ, lưu đày, sứ mạng, thành Giêru-sa-lem, Ba-by-lon

Abstract

Living Faithfully to One's Prophetic Calling is a Constant Invitation for Every Christian. However, living in accordance with one's prophetic calling is not always easy, especially when facing the adversities of life. The analysis of the prophecy of the prophet Ezekiel in Ezekiel 24:15-24 is an effort by the author to depict an image of a prophet who remains faithful to his mission despite encountering numerous challenges, in order to benefit his community. In this article, the author sequentially presents the historical, social, temporal, and geographical contexts in which the prophet Ezekiel carried out his mission. Following that, there are analyses of the text and an exploration of the significance of the prophet Ezekiel's actions for the people. From these insights, the author draws lessons to help contemporary Christians emulate Ezekiel's faithful living in accordance with their prophetic calling.

Keywords: Ezekiel, prophecy, prophetic actions, exile, mission, Jerusalem, Babylon

Dẫn Nhập

Ơn gọi của ngôn sứ là loan truyền sứ điệp của Thiên Chúa cho dân chúng. Đây là một nhiệm vụ cao cả và thánh thiêng. Tuy nhiên, việc loan truyền sứ điệp của Thiên Chúa đôi khi lại không mấy dễ dàng. Sự khó khăn đó có thể đến từ chính sự khó chấp nhận của thông điệp, hay cũng có thể là từ chính sự chai lì, cứng cổ của người tiếp nhận. Khi đó, vị ngôn sứ phải dùng nhiều phương thế khác nhau hầu có thể truyền đi sứ điệp của Thiên Chúa cách hiệu quả nhất.

Ê-dê-ki-en, người đã cùng chịu cảnh lưu đày với dân của ông ở Ba-by-lon, đã luôn tìm mọi phương thế thích hợp để thức tỉnh dân chúng. Ông không chỉ rao giảng bằng lời nói, hành động, qua các biểu tượng, mà hơn nữa chính ông đã trở thành điếm báo cho dân hầu có thể thông truyền sứ điệp của Thiên Chúa cách trung thực và hiệu quả nhất. Để có thể trung thành chu toàn sứ mạng ngôn sứ của mình, Ê-dê-ki-en đã phải chấp nhận nhiều hy sinh, mất mát, thậm chí là mất đi người vợ yêu dấu của mình. Ông đã phải chịu nhiều sự chống đối, thù ghét từ chính cộng đồng lưu đày nơi ông được sai đến. Tuy nhiên, với lòng nhiệt thành của một vị ngôn sứ đối với Thiên Chúa và với dân tộc mình, ông đã can đảm đón nhận mọi gian nan thử thách. Ê-dê-ki-en đã trung thành với sứ mạng ngôn sứ của mình hầu có thể trở nên một công cụ hữu hiệu trong bàn tay Thiên Chúa, và để ông có thể mưu ích cho cộng đồng mà ông được sai đến.

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ phân tích, tìm hiểu giá trị và ý nghĩa của hành động ngôn sứ trong Ê-dê-ki-en 24:15-24, nhằm phác họa hình ảnh về một vị ngôn sứ luôn trung thành với sứ mạng của mình, chấp nhận hy sinh tất cả hầu có thể mang sứ điệp của Chúa đến cho anh em mình.

Cuộc Đời Và Sứ Mạng Của Ngôn Sứ Ê-dê-ki-en

Ngôn Sứ Ê-dê-ki-en

Tên Ê-dê-ki-en (עֵדְיָהוּ) có nghĩa là “*Thiên Chúa làm cho vững mạnh*”. Những chi tiết về cuộc đời của ngôn sứ Ê-dê-ki-en trong bản văn rất ít. Bản văn cho chúng ta biết Ê-dê-ki-en là một tư tế, con của một người tên là Bu-di (1:3). Ông là một trong số những người Ít-ra-en bị bắt đi lưu đày trong cuộc lưu đày thứ nhất (năm 597 TCN). Ê-dê-ki-en có một người vợ. Vợ ông mất vào khoảng năm thứ chín của cuộc lưu đày, lúc ông loan báo cho dân về sự sụp đổ của đền thờ Giê-ru-sa-lem đã gần kề (24:18).

Sứ Mạng Ngôn Sứ Của Ê-dê-ki-en

Thời gian thực thi sứ mạng

Thời điểm Ê-dê-ki-en nhận lãnh sứ mạng ngôn sứ của mình là vào năm thứ năm kể từ khi vua Giô-gia-khin đi đày (1:2), nghĩa là khoảng năm 593-592 TCN. Và mốc thời gian muộn nhất được bản văn nhắc đến trong sứ mạng ngôn sứ của Ê-dê-ki-en là vào năm thứ hai mươi bảy (29:17), nghĩa là khoảng năm 571-570 TCN. Như thế, sứ mạng của Ê-dê-ki-en có thể được đặt trong khung lịch sử bắt đầu từ sau cuộc lưu đày thứ nhất và trước khi thành Giê-ru-sa-lem bị sụp đổ dưới tay người Ba-by-lon, nghĩa là từ khoảng năm 593 TCN cho đến hoặc sau năm 570 TCN.¹

Nơi thực thi sứ mạng

Ơn gọi ngôn sứ của Ê-dê-ki-en diễn ra ở Ba-by-lon, tại Tel Aviv (3:5). Đó là nơi Ê-dê-ki-en bị đưa đến cùng với đoàn người lưu đày năm 597. Trong nhiều chỗ khác nhau trong bản văn, Ê-dê-ki-en kể chuyện mình ở giữa những người lưu đày (8:1; 14:1). Tóm lại: sứ mạng của Ê-dê-ki-en thực hiện ở Ba-by-lon, giữa những người lưu đày.²

¹ Cao Gia An, *Ê-dê-ki-en, Sách Và Cuộc Đời Ngôn Sứ*, Tài liệu sử dụng nội bộ, 4.

² Ibid.

Bầu Khí Của Cộng Đồng Nơi Ê-dê-ki-en Thực Thi Sứ Mạng

Những người đi lưu đày lần thứ nhất (năm 597 TCN) vẫn luôn có thể liên lạc với những người ở lại tại Giê-ru-sa-lem và trên đất Giu-đa, dưới sự cai quản của vua Xít-ki-gia-hu, bằng thư từ hay nhờ những người đưa tin (X. Gr 29). Họ vẫn còn nuôi hy vọng sớm trở về quê hương, bởi lẽ vua Ba-by-lon không thực hiện những chính sách chính trị ngặt nghèo như thời của Át-sua (X. Gr 28). Đền thờ Giê-ru-sa-lem, niềm tự hào và hy vọng của họ vẫn còn đó, vẫn đứng hiên ngang và không thể bị phá hủy (qua kinh nghiệm về cuộc vây hãm Giê-ru-sa-lem năm 701 (2V 19:32-36)).

Ngôn sứ Ê-dê-ki-en, với sự nhạy cảm của mình, đã nhìn thấy một tương lai bi thảm cho dân tộc đang mở ra. Ông biết rằng hy vọng hồi hương trong tương lai gần sẽ không xảy ra nếu dân Ít-ra-en không ý thức được nguyên nhân khiến họ phải chịu cảnh lưu đày và rồi hoán cải mà trở về với Thiên Chúa. Từ lúc bắt đầu sứ mạng ngôn sứ của mình cho tới trước khi thành Giê-ru-sa-lem sụp đổ, Ê-dê-ki-en đã hết sức nhấn mạnh rằng cuộc lưu đày năm 597 chưa phải là tai họa cuối cùng và thảm kịch nhất, rằng cư dân Giê-ru-sa-lem và triều đình phải từ bỏ những đường lối bất trung với Thiên Chúa. Đồng thời, họ cũng phải từ bỏ những hy vọng hão huyền và những cố công nổi dậy chống lại người Ba-by-lon. Sứ điệp này vừa nhắm đến những người còn sót lại ở Giu-đa, vừa nhắm đến những người đang sống trên đất lưu đày. Tuy nhiên, những lời cảnh tỉnh đó đã không được dân Ít-ra-en đón nhận.³

Câu Chuyện Về Điềm Báo Của Ê-dê-ki-en

Khung Cảnh Bản Văn

Sách Ê-dê-ki-en được sắp xếp theo một cấu trúc rất rõ, chia làm 3 phần: (1) Chương 1-24: đặc trưng bởi cung giọng tiêu cực, với những lời kết án và đe dọa, chống lại Giu-đa, trước biến cố lưu đày lần thứ hai (587/586 TCN). (2) Chương 25-32: sấm ngôn chống các dân ngoại. (3) Chương 33-48: đặc trưng bởi cung giọng tích cực, loan báo về một tương lai tốt đẹp. Sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem được mô tả ở đoạn đầu của phần này (ch.33).

Nội dung câu chuyện điềm báo của Ê-dê-ki-en nằm ở phần cuối chương 24, nghĩa là cuối phần một của cuốn sách ngôn sứ Ê-dê-ki-en. Theo đó, đây là điềm báo cuối cùng mà ngôn sứ Ê-dê-ki-en thực hiện cho dân trước khi biến cố đền thờ Giê-ru-sa-lem bị phá hủy. Theo cách đọc cổ điển, niên biểu được đưa ra ở đầu chương 24 (ngày mồng mười tháng mười năm thứ chín (24:1), tức 10/10/588 TCN) cũng áp dụng cho phần còn lại của chương này (c.15-27). Tuy nhiên, một số học giả hiện đại cho rằng, sự kiện này có thể xảy ra sau mốc thời gian ở c. 1, gần với sự kiện Giê-ru-sa-lem sụp đổ (586 TCN). Bởi lẽ, Ê-dê-ki-en thực hiện điềm báo này là nhằm chuẩn bị cho dân đối diện với biến cố thành Giê-ru-sa-lem sụp đổ.⁴

Phân Tích Hạn Từ “Điềm Báo”

Từ *מוֹפֶת* (mopheth) có nghĩa là: điều gây kinh ngạc (wonder), dấu hiệu (sign), điềm báo (portent): như là sự biểu lộ cách đặc biệt quyền năng của Thiên Chúa; là dấu chỉ về sự kiện trong tương lai hay hành động biểu tượng. Thuật ngữ này cũng được dùng để chỉ về con người

³ Ibid, 5.

⁴ Catheryn Pfisterer Darr, “The Book Of Ezekiel”, trong *The New Interpreter’s Bible*, Leander E. Keck et al., volume VI (Nashville: Abindon Press, 2001), 1339.

là biểu tượng hay dấu hiệu.⁵ Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ (CGKPV) dùng nhiều thuật ngữ khác nhau để dịch từ *תּוֹכַח*. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy khi từ *תּוֹכַח* chỉ về con người như là biểu tượng hay dấu hiệu thì nhóm CGKPV dịch là “*điềm báo*” (Vd: Is 8:18; Êd 12:6,11 ; 24:24,27; Dcr 3:8). Theo đó, chúng tôi cũng sẽ dùng từ “*điềm báo*” như dụng ý của nhóm CGKPV.

Diễn Tiến Câu Chuyện

Cũng giống như cấu trúc thường thấy của một điềm báo ngôn sứ, điềm báo của Ê-dê-ki-en được chia làm 4 phần: (1) Chúa truyền cho Ê-dê-ki-en không được để tang người chết, (2) Ê-dê-ki-en làm theo lệnh Chúa truyền, (3) Dân chúng xin Ê-dê-ki-en giải thích về hành động của ông, (4) Ê-dê-ki-en giải thích hành động của mình.⁶

Chúa truyền cho Ê-dê-ki-en không được để tang người chết (c.15-17)

Lệnh truyền này, chính Chúa truyền cho ngôn sứ Ê-dê-ki-en thực hiện. Thiên Chúa báo trước cho ông là Ngài sẽ bắt thần cất khỏi niềm vui của mắt ông. Cụ thể là có người sẽ phải chết và ông không được để tang hay khóc lóc hay làm những điều mà người ta thường làm khi có người thân mất để biểu lộ sự mất mát và đau đớn.

“Người không được thương tiếc người chết, không được khóc lóc, không được để nước mắt trào ra. Hãy rên rỉ âm thầm, đừng làm đám tang cho người chết; hãy đội khăn, đi dép; không được che râu ria; không được ăn bánh người ta đưa đến.”

Một số bản văn Cựu Ước có đề cập đến phong tục đám tang này của người Ít-ra-en. Khi có tang, người ta khóc lóc âm ỉ, để đầu trần và đi chân không (x. 2 Sm 15,30), che nửa mặt (x. 2 Sm 19,5). Dường như người ta chỉ ăn thức ăn do bà con hàng xóm đưa đến (x. Gr 16,7) để khỏi bị ra ô uế vì những đồ ăn đã ra ô uế do có xác chết trong nhà (x. Ds 19,11-13).⁷ Tuy nhiên, Chúa lại cấm Ê-dê-ki-en không được làm những điều này, nghĩa là: không được tỏ ra lòng thương tiếc đối với người đã mất, và không được ăn bánh của người khác đem đến, nghĩa là đừng quan tâm đến việc tránh bị ô uế khi ăn đồ ăn trong nhà mình.

Ê-dê-ki-en làm theo lệnh Chúa truyền (c. 18)

Có thể Ê-dê-ki-en đã không ngờ rằng sự việc lại xảy ra nhanh đến như vậy và điều mà Thiên Chúa cất khỏi ông lại chính là người vợ yêu dấu của mình. Ở đây, bản văn không đề cập ông có những phản ứng cảm xúc như thế nào trước sự mất mát đột ngột này nhưng chỉ cho thấy ông mau mắn thi hành lệnh Chúa đã truyền cho ông.

Dân chúng xin Ê-dê-ki-en giải thích về hành động của ông (c. 19)

“*Ông không cắt nghĩa cho chúng tôi hiểu những gì ông đã làm sao?*”(c.19). Đây là mục tiêu nhắm tới của một hành động ngôn sứ. Ngôn sứ thực hiện một hành động khác thường nhằm gây sự chú ý, thắc mắc từ người khác để rồi ông có cơ hội tuyên tải thông điệp một cách hiệu quả hơn. Ở đây, ngôn sứ Ê-dê-ki-en đã không làm đám tang cho người vợ yêu quý của mình,

⁵ Francis Brown, S. R. Driver, và Charles A. Briggs, *A Hebrew And English Lexicon Of The Old Testament* (New York: Houghton Mifflin Company, 1907), 68-69.

⁶ Catheryn Pfisterer Darr, *The Book Of Ezekiel*, 1341.

⁷ *Kinh Thánh*, ấn bản KPA 2011, bản dịch của nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ (Hà Nội: Nhà Xuất Bản Tôn Giáo, 2019), phần chú thích tr. 1848.

không khóc, không tỏ ra thương tiếc đối với người đã khuất. Điều này không thể không làm cho dân chúng thất vọng và suy đoán rằng chắc chắn Ê-dê-ki-en đang muốn diễn tả một thông điệp cho họ.

Ê-dê-ki-en giải thích hành động của mình (c.20-24)

Niềm tự hào, hy vọng của dân Ít-ra-en nằm ở đền thờ Giê-ru-sa-lem. Những con người lưu đày này vẫn không ngừng hy vọng họ sẽ sớm hồi hương, và đền thờ Giê-ru-sa-lem là nơi củng cố niềm hy vọng chính đáng của họ. Biến cố năm 701 TCN là lời chứng hào hùng về một Giê-ru-sa-lem bất khả chiến bại.

Tuy nhiên, đối lại với niềm hy vọng hào huyền này, ngôn sứ Ê-dê-ki-en lại loan báo một thông điệp hoàn toàn trái ngược. Đền thờ Giê-ru-sa-lem sẽ không còn là niềm tự hào, niềm vui, niềm hy vọng cho người Ít-ra-en nữa mà nó sẽ là biểu tượng của sự đổ nát, đau thương và thất vọng, “*này Ta sẽ làm cho Nơi Thánh của Ta ra ô uế; nơi thánh đó là sức mạnh làm cho các người hãnh diện, là niềm vui của đôi mắt các người, là nơi các người hằng quan tâm*”(c.21a). Thêm vào đó, Ê-dê-ki-en cũng tiên báo rằng con trai, con gái, người thân của họ ở Giê-ru-sa-lem “*sẽ ngã gục vì gươm*” (c.21b). Họ sẽ trải qua một nỗi đau mà họ chưa bao giờ có thể tưởng tượng ra. Một điểm cần lưu ý ở đây là Ê-dê-ki-en không hề khuyên họ hãy hồi cải, hãy từ bỏ đường lối bất trung của mình. Vì, tình huống đã không còn có thể cứu vãn được nữa. Điều cuối cùng ông có thể khuyên họ thật là đơn giản: “*các người cứ làm như tôi đã làm*”(c.22a).

Hình Ảnh Ngôn Sứ Ê-dê-ki-en Như Là Điềm Báo Cho Dân

Ê-dê-ki-en Là Điềm Báo Cho Dân

Dưới nghĩa nào mà Ê-dê-ki-en được xem như là điềm báo cho những người lưu đày? Các nhà chú giải trình bày hai cách hiểu như sau: thứ nhất, qua hành động không để tang cho người vợ của mình, ngôn sứ báo trước điều mà những người lưu đày **sẽ phản ứng** trước tin thành Giê-ru-sa-lem sụp đổ. Bởi lẽ, đó sẽ là cú sốc quá lớn khiến họ không còn có thể khóc được nữa. Thứ hai, ngôn sứ biểu lộ điều mà dân **nên phản ứng** trước tin dữ này. Việc họ quá gắn chặt niềm tin và hy vọng vào đền thờ là điều không nên. Đền thờ mất, thành mất, nhưng Thiên Chúa vẫn còn đó và Ngài đang thực hiện những điều mới mẻ cho họ.⁸ Tuy nhiên, chúng tôi nghiêng về cách hiểu thứ nhất, nghĩa là ngôn sứ Ê-dê-ki-en báo trước cách mà dân Ít-ra-en sẽ phản ứng lại trước cú sốc quá lớn này. Bởi lẽ, nó phù hợp hơn với điều mà Ê-dê-ki-en giải thích với dân về lý do tại sao ông khuyên họ hãy làm như ông đã làm (X. 24:21-23).

Ê-dê-ki-en đã làm nhiều hành động khác nhau để cảnh cáo dân chúng, giúp họ nhận ra những bất trung của họ và kêu gọi họ trở về với Thiên Chúa. Tuy nhiên, khác với những lần trước, hành động không để tang cho vợ này của Ê-dê-ki-en không nhằm kêu gọi dân chúng hãy quay đầu trở lại, hay để họ sẽ “*nhận thấy mình là một nòi phản loạn*”(12:3b). Điềm báo này không phải là phương tiện để truyền tải một thông điệp nào đó, nhưng chính bản thân Ê-dê-ki-en giờ đây là thông điệp cho những người lưu đày.⁹ Điềm báo này mang một thông điệp đơn giản là họ sẽ làm y như Ê-dê-ki-en đã làm (X. 24:24b). Dường như, Ê-dê-ki-en muốn chuẩn bị cho dân đối diện một cú sốc lớn lao, một tai họa chắc chắn sẽ xảy ra và đã rất cận kề. Chẳng bao lâu nữa dân Ít-ra-en sẽ có một lý do lớn hơn và chính đáng hơn để khóc lóc và thương tiếc, khi thành Giê-ru-sa-lem, niềm vui của mắt họ, trở thành đồng hoang tàn.¹⁰ Và khi sự việc đó xảy

⁸ X. Thomas Renz, *The Rhetorical Function Of The Book Of Ezekiel* (Boston: Brill Academic Publishers, 2002), 152.

⁹ Ibid.

¹⁰ X. Cao Gia An, Ê-dê-ki-en, Sách Và Cuộc Đời Ngôn Sứ, 6.

ra, họ sẽ suy xét lại tất cả những gì Ê-dê-ki-en đã loan báo; họ sẽ biết là ông nói thật; và họ sẽ nhận biết chính Chúa “là ĐỨC CHÚA, là Chúa Thượng” (24:24c).

Ê-dê-ki-en Trung Thành Với Sứ Mạng Ngôn Sứ Giữa Con Thử Thách

Sứ mạng của ngôn sứ Ê-dê-ki-en là đi làm ngôn sứ cho dân lưu đày ở Ba-by-lon. Trong suốt hành trình ngôn sứ của mình cho tới giờ này, ông đã đón nhận biết bao sự chống đối. Cái giá mà Ê-dê-ki-en phải trả cho đặc ân được phục vụ Thiên Chúa thật là lớn lao. Sự hy sinh và những mất mát của ông còn lớn hơn của những ngôn sứ khác, kể cả Hô-sê.¹¹ Để thực hiện những dấu chỉ hay điềm báo cho dân, Ê-dê-ki-en đã phải đánh mất hết những lợi ích riêng tư. Ông sẵn sàng làm mọi việc mà Thiên Chúa truyền để có thể giúp dân đón nhận sứ điệp, và Chúa đòi hỏi nhiều việc phi thường từ ông. Ông đã phải tự nhốt mình trong nhà (3:24). Ông phải nằm trong những tư thế kỳ lạ (4:4-8). Phải ăn theo số lượng (4:10). Hy sinh diện mạo riêng (5:1), đập tay hay giậm chân (6:11). Ông phải di chuyển đồ đạc cá nhân và trong nhà mình ra ngoài để tỏ cho dân biết việc con cái Ít-ra-en phải mang đi lưu đày (12:2-7).¹² Và cuối cùng ông phải chấp nhận mất đi người vợ và còn không được làm đám tang, phải nén lòng đau buồn của mình để không tỏ lộ ra ngoài sự thương tiếc đối với người vợ yêu dấu của mình (24:18). Bản văn không đề cập gì về người vợ của ông, ngoại trừ việc nàng là niềm vui trong mắt của vị ngôn sứ (c. 16). Có lẽ, giữa cảnh lưu đày đầy vất vả cộng với sự chống đối, thù ghét của những người lưu đày đồng hương, vợ ông chính là niềm an ủi, cảm thông, niềm vui duy nhất của ông. Tuy nhiên, ngay cả chính niềm vui duy nhất đó cũng bị lấy đi.

Mặc dầu vậy, Ê-dê-ki-en không hề tỏ ra sự giận giữ hay oán trách. Ông chấp nhận sự việc và trung thành thi hành lệnh truyền cho ông. Bản văn đề cập ngắn gọn sự việc này, “*Tôi nói với dân chúng ban sáng, thì đến chiều vợ tôi chết. Sáng hôm sau, tôi làm như lệnh ĐỨC CHÚA đã truyền cho tôi*” (c.18). Ê-dê-ki-en đã hành động với một đức tin mạnh mẽ vào Thiên Chúa. Chắc chắn ông đã cảm nghiệm được tình yêu mà Thiên Chúa dành cho dân tộc của ông, dầu họ là “một nồi phản loạn”. Ông gọi ngôn sứ giúp ông thấy được kế hoạch của Thiên Chúa là một kế hoạch yêu thương cho dân của Ngài. Có lẽ đây là điều khiến cho Ê-dê-ki-en có thể vững tin khi đối diện với những sóng gió trong hành trình ơn gọi làm ngôn sứ của ông.

Ê-dê-ki-en Hòa Mình Vào Vận Mệnh Của Dân Tộc Mình

Ngôn sứ Ê-dê-ki-en đã không tách mình ra khỏi vận mệnh của dân tộc. Ông là một trong những người bị bắt đi lưu đày trong đợt đầu tiên (năm 597 TCN). Ông sống giữa cộng đoàn lưu đày. Mặc dù ông luôn bị chống đối, loại trừ bởi những người đồng hương, ông vẫn trung thành với sứ mạng ngôn sứ của mình và tìm mọi cách tốt nhất để giúp họ. Trước tai họa kinh hoàng đang ập xuống trên dân Ít-ra-en, ông đã chấp nhận hy sinh người vợ yêu dấu của mình để có thể trở nên điềm báo cho dân chúng. Với Giê-rê-mi-a, lệnh cấm không được khóc than người chết, không được có các mối quan hệ bình thường như những người khác (có vợ, có con) là nhằm để tách biệt ông ra khỏi dân, một dân bất trung, để lên án họ về những lỗi lầm của họ (Gr 16: 1-16). Đối lại, với Ê-dê-ki-en, lệnh truyền không được than khóc người chết là để ông hòa mình vào nỗi mất mát lớn lao đang ập xuống trên những người lưu đày và cư dân thành Giê-ru-sa-

¹¹ Daniel I. Block, *The New International Commentary On The Old Testament: Ezekiel Chapters 1-24* (Michigan: William B. Eerdmans Publishing Company, 1997), 793-794.

¹² X. *Tìm Hiểu Sách Edeki-en*, truy cập ngày 29/03/2021,

<http://vietcatholicperth.org/wp-content/uploads/2013/06/69-TIM-HIEU-SACH-EDEKIEN.pdf>.

lem.¹³ Với sự nhạy cảm trước thời cuộc như vậy, ông đã có thể tìm những cách thế khác nhau để có thể tránh được cảnh lưu đày, nhưng ông đã không làm như vậy. Ông không tìm cách để được yên thân nhưng ông đã trở thành người nếm trước nỗi đau mất đi thứ quý giá nhất của cuộc đời ông, người vợ yêu dấu, để ông chuẩn bị cho dân sẵn sàng đón nhận nỗi mất mát khủng khiếp nhất của họ.

Nhờ Ê-dê-ki-en, Dân Chúng Nhận Biết Đức Chúa là Chúa Thượng

Lòng trung thành với sứ mạng ngôn sứ và sự hy sinh trước mất mát lớn lao của Ê-dê-ki-en đã làm cho ý Chúa được thực hiện, “*khi sự việc xảy ra, các người sẽ nhận biết chính Ta là ĐỨC CHÚA, là Chúa Thượng*”(c.24b). Khi đó, người ta sẽ nhớ lại là chính Ê-dê-ki-en đã loan báo trước cho họ rồi, những gì ông nói là thật, và Đấng đã sai ông loan báo những điều đó là có thật. Khi đó, họ sẽ nhận biết những lời loan báo “khó nghe” của Ê-dê-ki-en là những lời xuất phát từ tình thương. Điềm báo mà Ê-dê-ki-en đã làm cho họ thật đáng trân quý.

Một chi tiết ở chương 33 cho chúng ta thấy điều này: “*Ngày mồng năm tháng mười, năm thứ mười hai kể từ khi chúng tôi bị lưu đày, có một người thoát khỏi Giê-ru-sa-lem đến báo cho tôi: "Thành mất rồi!"*” (33:21). Kể thoát nạn này hẳn đã nghe về những loan báo của Ê-dê-ki-en liên quan đến số mệnh của thành Giê-su-sa-lem. Giống như những người lưu đày và cư dân tại Giê-ru-sa-lem thời đó, rất có thể ông đã từng coi những tiên báo của Ê-dê-ki-en là nhảm nhí. Tuy nhiên, khi ông trốn thoát được khỏi vòng vây quân thù chung quanh Giê-ru-sa-lem, điều đầu tiên ông nghĩ đến là phải báo cho Ê-dê-ki-en. Ông lặn lội hàng ngàn cây số, từ Giê-ru-sa-lem đến Babylon, để gặp vị ngôn sứ. Câu nói ngắn gọn của ông: “*Thành mất rồi!*” dường như không chỉ là thông báo việc mất thành. Chúng ta có thể đọc được nơi câu nói này một ý nghĩa khác: “*Ông nói đúng!*” hay “*Chúng tôi sai rồi!*”. Trước khi sự việc xảy ra, người ta không thêm quan tâm đến Ê-dê-ki-en nói gì, nhưng bây giờ, khi sự việc đã xảy ra, người ta đã biết tìm đến với ông. Giờ đây người ta biết rằng có một vị ngôn sứ đang ở giữa họ (2:4). Và như thế có nghĩa là, Thiên Chúa chưa bao giờ bỏ mặc họ, dù họ là “nòi phản loạn”.

Người Kitô Hữu Thi Hành Sứ Mạng Ngôn Sứ Theo Gương Ê-dê-ki-en

Người Kitô Hữu Trở Nên “Điềm Báo” Cho Người Khác

Người ngôn sứ không chỉ rao giảng về Thiên Chúa bằng lời mà còn bằng cả hành động và chính cuộc sống của mình. Noi gương Ê-dê-ki-en, người Kitô hữu cũng cần phải dùng chính đời sống của mình để nên “điềm báo” cho người khác về sự hiện hữu của Thiên Chúa, “*Cứ dẫu này người ta sẽ nhận biết anh em là môn đệ của Thầy...*”(Ga 13:35a). Quả thật, hành động ngôn sứ có sức lôi cuốn riêng của nó. Nó không chỉ có tác dụng truyền rao thông điệp nhưng còn khiến người nghe tiếp nhận thông tin một cách chủ động, “*ông không cắt nghĩa cho chúng tôi những điều ông đã làm sao?*”(c.19).

Chính Đức Kitô, vị ngôn sứ vĩ đại, cũng đã hy sinh chính bản thân mình để trở thành một “điềm báo” cho người Do Thái, “*cũng như Mô-sê đã treo con rắn đồng trong sa mạc, Con Người cũng sẽ phải được treo lên như vậy*”(Ga 3:14) để khi sự việc xảy ra, “*các ông sẽ biết là tôi Hằng Hữu*”(Ga 8:28). Người Kitô hữu ngày nay cũng phải trở nên điềm báo cho người khác, nghĩa là biến cuộc sống của mình trở thành dấu hiệu để người khác nhận thấy sự hiện diện của Thiên Chúa.

¹³ Walther Zimmerli, *Ezekiel 1: A Commentary on the Book of the Prophet Ezekiel, Chapters 1-24* (Philadelphia: Fortress Press, 1988), 506.

Chấp Nhận Hy Sinh Như Là Một Phần Của Sứ Mạng Ngôn Sứ

Ngôn sứ luôn phải đối diện với những hiểu nhầm, sự nghi kỵ và chống đối. Bởi vì họ là những người dám đối diện với thực tại cách chân thật. Hơn nữa, người ngôn sứ là người dám can đảm đi ngược dòng đời. Giữa những nghịch cảnh, rối ren, sự bất công và sa đọa của xã hội, vai trò của vị ngôn sứ lại càng khẩn thiết. Vì thế, trung kiên với sứ mạng là một đức tính rất cần thiết nơi một người ngôn sứ.

Qua câu chuyện điếm báo của ngôn sứ Ê-dê-ki-en, chúng ta có thể thấy vị ngôn sứ không hề chần vãn hay phản kháng trước mệnh lệnh của Thiên Chúa cho dù ông đang phải đối diện với sự mất mát quá lớn. Có lẽ ông đã hiểu rằng, những hy sinh của ông có một ý nghĩa rất lớn đối với cộng đồng nơi ông được sai đến. Và quả thật, chính nhờ ông mà dân Ít-ra-en, giữa nỗi đau đớn, thất vọng ê chề, đã có được niềm an ủi và hy vọng. Bởi họ biết, có một vị ngôn sứ đích thực của Thiên Chúa đang ở giữa họ, đang đồng hành với họ, và đã hy sinh mọi sự vì họ. Và nhờ đó họ biết rằng, Thiên Chúa chưa bao giờ bỏ rơi họ.

Thực Thi Vai Trò Ngôn Sứ Qua Việc Hòa Mình Vào Vận Mệnh Của Cộng Đồng Nơi Mình Đang Sống

Ê-dê-ki-en là ngôn sứ cho những người lưu đày nhưng chính ông cũng là một trong số những người lưu đày. Ông luôn ý thức về việc ông là một thành viên trong cộng đồng những người đi lưu đày. Ông lên án đường lối bất trung của dân chúng và những hy vọng hão huyền về một Giê-ru-sa-lem bất khả chiến bại. Tuy nhiên, những gay gắt trong lời loan báo của ông xuất phát từ tình yêu thương và cảm thông đối với số phận của những người lưu đày. Vì thế, trước những chống đối đến từ chính những người mà ông được sai đến để loan báo, ông đã không hề phản ứng lại cách riêng tư. Mặt khác, ông luôn đồng hành và làm mọi điều tốt nhất cho họ. Khi tình thế đã không còn có thể cứu vãn được và tai ương cận kề, ông đã biến mình trở thành một điếm báo cho dân, hầu có thể giúp họ có thể đối diện với cú sốc lớn lao này. Chính ông là người đã đi trước để cảm nhận sự mất mát, đau thương và rồi ông cũng hòa vào nỗi đau thương ấy của anh em mình.

Nơi gương vị ngôn sứ, người Kitô hữu ngày nay cũng được mời gọi phải biết hòa mình vào vận mạng của dân tộc nơi mình sinh sống. Người Kitô hữu cần sống tình hiệp nhất và biết chia sẻ những khó khăn của cộng đồng. Để có thể làm được như vậy, cần phải có lòng yêu mến, biết cảm thông và hơn nữa là phải biết hy sinh lợi ích riêng của mình để mưu ích cho cộng đồng. Người ngôn sứ phải chấp nhận hy sinh, từ bỏ những lợi ích của mình hầu ý Chúa được thực hiện. Đời sống của người Kitô hữu phải là dấu chỉ ngôn sứ cho người khác. Qua việc sống theo tinh thần của Tin Mừng, người Kitô hữu trở nên một dấu chỉ hữu hình về sự hiện hữu của Thiên Chúa.

Kết Luận

Câu chuyện về điếm báo của ngôn sứ Ê-dê-ki-en ở chương 24:15-24 cho chúng ta thêm những hiểu biết về sứ mạng và cuộc đời của một ngôn sứ vĩ đại, người đã sống sứ mạng ngôn sứ của mình một cách triệt để.

Ngôn sứ Ê-dê-ki-en, với lòng nhiệt tâm của mình, đã luôn tìm những cách thế khác nhau hầu có thể thông truyền sứ điệp của Thiên Chúa đến người dân một cách trung thực và hữu hiệu nhất. Qua điếm báo của mình, ông đã chuyển đổi trạng thái của mình từ trạng thái thụ động lắng nghe sang trạng thái chủ động thắc mắc và tìm hiểu thông điệp mà ông muốn loan báo.

Ê-dê-ki-en chính là một vị ngôn sứ hết lòng vì cộng đồng nơi ông được sai đến. Mặc dù những lời ông loan báo không được người ta đón nhận, ông vẫn đồng hành, sống ở giữa họ, cùng chia sẻ số phận lưu đày với họ, và cuối cùng chính ông là người đã đi bước trước để hòa mình vào biến cố đau thương nhất của họ, hầu giúp họ có thể đối diện với tai họa đang ập đến.

Ê-dê-ki-en đã trung thành chu toàn sứ mạng ngôn sứ của mình dẫu ông phải đối diện với những hy sinh, mất mát lớn lao. Chính nhờ sự trung thành đó đã mang lại lợi ích lớn lao cho cộng đồng nơi ông được sai đến. Chính nhờ điềm báo của Ê-dê-ki-en mà khi biến cố thành Giê-ru-sa-lem sụp đổ xảy ra dân Ít-ra-en đã có được những kinh nghiệm mới mẻ về Thiên Chúa của họ.

Tài liệu tham khảo

Cao Gia An, *Ê-dê-ki-en, Sách Và Cuộc Đời Ngôn Sứ*, Tài liệu sử dụng nội bộ, 4.

Cao Gia An, Ê-dê-ki-en, *Sách Và Cuộc Đời Ngôn Sứ*, 6.

Catheryn Pfisterer Darr (2001). "The Book Of Ezekiel", trong *The New Interpreter's Bible*, Leander E. Keck et al., volume VI, 1339. Nashville: Abindon Press.

Catheryn Pfisterer Darr, *The Book Of Ezekiel*, 1341.

Daniel I. Block (1997). *The New International Commentary On The Old Testament: Ezekiel Chapters 1-24*, 793-794. Michigan: William B. Eerdmans Publishing Company.

Kinh Thánh (2019). ấn bản KPA 2011, bản dịch của nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ. Hà Nội: Nhà Xuất Bản Tôn Giáo, phần chú thích tr. 1848.

Francis Brown, S. R. Driver, và Charles A. Briggs (1907). *A Hebrew And English Lexicon Of The Old Testament*, 68-69. New York: Houghton Mifflin Company.

Thomas Renz (2002). *The Rhetorical Function Of The Book Of Ezekiel*. Boston: Brill Academic Publishers.

Walther Zimmerli (1998). *Ezekiel 1: A Commentary on the Book of the Prophet Ezekiel, Chapters 1-24*. Philadelphia: Fortress Press.

Biodata

Phêrô Phạm Trọng hiện là tu sỹ Dòng O. CARM, và là sinh viên Thần học năm 2 tại Học Viện thánh Giuse Dòng Tên, Việt Nam.

Peter Pham Trong is currently a brother of O. CARM and a second-year student of Theology at Saint Joseph Jesuit Scholasticate, Vietnam.